

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 152/2023/HN-ST

Ngày: 09/5/2023

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Bình.
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Quý** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang

* Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải Anh B trình bày:

Anh và chị do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới và chính thức chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 khi vợ chồng có tiền, có cuộc sống đầy đủ thì vợ anh bộc lộ quyền gia trưởng, bất đồng quan điểm sống, mọi việc chỉ tiêu trong gia đình đều do vợ anh quyết định, anh không có ý kiến gì hết, có những lúc anh nói lên ý kiến nhưng vợ không thay đổi, cụ thể: giấy tờ đất đai, nhà cửa trước đây anh đứng tên, sau này vợ anh bắt buộc sang tên cho vợ đứng, anh không chịu nổi nhưng cũng đồng ý sang tên.

Nay, anh không thể chung sống với chị T được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh và chị T là vợ chồng hợp pháp.

Về con chung: Anh chị có hai đứa con chung tên Nguyễn Thị Ái D, sinh ngày 14/3/1991 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 08/3/1997 đã trưởng thành, không tranh chấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không tranh chấp

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải chị T trình bày: Chị T hồng nhát với lời trình bày của Anh B về thời gian, có hai con chung và không có đăng ký kết hôn là đúng. Nay, Anh B xin ly hôn, chị cũng đồng ý.

Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Thị Ái D, sinh ngày 14/3/1991 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 08/3/1997 đã trưởng thành, không tranh chấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.

*** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 14, 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Anh Nguyễn Văn B xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh B, chị T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Anh B, chị T hia.

[2] Về nội dung:

Anh B và chị T do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới và chính thức chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nay, Anh B yêu cầu được ly hôn chị T hia, chị T đồng ý được Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Anh B, chị T là vợ chồng phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Về con chung: Anh chị có hai con chung Nguyễn Thị Ái D, sinh ngày 14/3/1991 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 08/3/1997 đều đã trưởng thành nên không tranh chấp.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B, chị T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng

xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Anh B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên do Anh B là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn B và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp.
- Về án phí HNST:

Anh Nguyễn Văn B được miễn nộp án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thanh Bình